

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 56/2019/HSST
Ngày: 28/8/2019**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Quốc Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phan Vũ Anh Kiệt

2/ Ông Dương Quang Khai

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019, đối với bị cáo:

TRỊNH QUỐC B (Ù) - Sinh năm: 1993, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Con ông: Trịnh Thế H, sinh năm 1963 và bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 14/12/2017, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt **09** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 40/2017/HSST).

- Ngày 16/01/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt **12** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 03/2019/HSST). Đến ngày 30/3/2019, bị cáo chấp hành xong án phạt tù theo giấy chứng nhận số 273/GCN của Giám thị Trại giam Sông Cái.

Bị cáo bị bắt ngày **01/5/2019**, hiện bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an thị xã L. (Có mặt)

*** Bị hại: Trần Thị Kiều O**, sinh năm: 1983 - Trú tại: Khu phố 3, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1/ Ông **Trịnh Thế H**, sinh năm 1963 (Có mặt)

2/ Bà **Huỳnh Thị Kim L**, sinh năm 1972 (Có mặt)

Cùng trú: Khu phố 1, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 01/5/2019, Trịnh Quốc B mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 54R1 - 3013 của cha ruột là ông Trịnh Thế H để đi mua đồ ăn, khoảng 14 giờ cùng ngày, B điều khiển xe từ nhà ra đường Thống Nhất và đi hướng từ Công ty may Bình Thuận - Nhà Bè lên phường T. Khi đi gần đến cánh đồng của Ly Ly, B nhìn thấy chị Trần Thị Kiều O điều khiển xe mô tô chở con nhỏ ngồi sau và có để trên бага trước 01 túi xách da màu đen sọc trắng, nên B nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Cùng lúc này, chị Oanh cũng dừng xe để vào mua chè tại quán chè Ngọc Thạch thuộc Khu phố 2, phường T (đối diện khách sạn Nhật Minh). Thấy vậy, B điều khiển xe dừng sát bên trái, dùng tay phải giật túi xách của chị O rồi nhanh chóng tăng ga tẩu thoát. B điều khiển xe lên ngã tư Quân Cảnh rẽ vào đường Nguyễn Công Trứ rồi đi về. Khi về nhà, B kiểm tra trong túi xách giật được của chị O có số tiền 850.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo V5 màu xám bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu tím, 02 ốp lưng điện thoại, 01 ví da màu đen, 01 cây son, 01 chiếc lược, 01 hộp phấn trang điểm, 02 thẻ ATM và 01 thẻ B hiểm y tế. B giấu 02 điện thoại trong phòng ngủ, lấy số tiền 850.000 đồng để tiêu xài, các đồ vật còn lại thì vứt bỏ tại đường hẻm gần cửa hàng vật liệu xây dựng Quang Mỹ thuộc Khu phố 1, phường T.

Sau khi bị giật tài sản, chị O đến trình báo với công an phường T, cơ quan CSĐT phối hợp với công an phường T kiểm tra hệ thống camera an ninh lắp đặt tại địa phương thì phát hiện Trịnh Quốc B có nhiều đặc điểm giống đối tượng chị O trình báo, cơ quan điều tra đến nhà của B đã phát hiện thu giữ 02 điện thoại di động của chị O. Khi được mời về trụ sở làm việc, Trịnh Quốc B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, đồng thời dẫn lực lượng công an thu giữ các đồ vật của chị O mà B đã vứt bỏ.

Theo kết luận định giá tài sản số 33/KL-ĐGTS ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 có giá trị **3.100.000** đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo V5 có giá trị **2.500.000** đồng; 01 ví da màu đen có giá trị **2.000** đồng; 01 túi xách da màu đen sọc trắng có giá trị **10.000** đồng; 02 ốp lưng điện thoại có giá trị **1.000** đồng; 01 cây son Za có giá trị **10.000** đồng; 01 cây lược nhựa màu

trắng có giá trị **1.000** đồng; 01 hộp phấn Essance có giá trị **10.000** đồng; Tổng giá trị tài sản định giá là **5.634.000** đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại tất cả tài sản, đồ vật bị cáo chiếm đoạt và thu giữ được cho chị O; Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave BKS 54R1 - 3013 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội thuộc sở hữu của ông Trịnh Thế H, bản thân ông H không có lỗi nên Cơ quan điều tra đã trả lại.

Về dân sự: Bị hại chị Trần Thị Kiều O đã nhận lại tài sản và số tiền 850.000 đồng gia đình bị cáo Trịnh Quốc B bồi thường, không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 48/CT-VKS ngày 25/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Trịnh Quốc B, về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trịnh Quốc B như nội dung cáo trạng nêu và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trịnh Quốc B, phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng: Điểm d khoản 2 Điều 171; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Phạt: Bị cáo Trịnh Quốc B, mức án từ 04 đến 05 năm tù.

- Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Quốc B khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra và thừa nhận cáo trạng của VKSND thị xã L truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

- Bị cáo Trịnh Quốc B không có ý kiến cũng như tranh luận gì đối với quan điểm của đại diện VKSND thị xã L.

- Bị cáo Trịnh Quốc B nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại Tòa, bị cáo Trịnh Quốc B thừa nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố. Xét, lời khai của bị cáo tại Tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ khẳng định: Khoảng 14 giờ ngày 01/5/2019, Trịnh Quốc B điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 54R1 - 3013 của ông Trịnh Thế H (cha ruột bị cáo) trên đường Thống Nhất, hướng từ công ty may Bình Thuận - Nhà Bè lên phường Tân An. Khi đến gần cánh đồng của Ly Ly, B nhìn thấy chị Trần Thị Kiều O điều khiển xe mô tô chở con nhỏ ngồi sau và có đồ trên бага trước 01 túi xách da màu đen sọc trắng, nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản. Cùng lúc này, chị O dừng xe để vào mua chè tại quán chè Ngọc Thạch thuộc Khu phố 2, phường T (đối diện khách sạn Nhật Minh). Thấy vậy, B điều khiển xe dừng sát bên trái, dùng tay phải giật túi xách của chị O rồi nhanh chóng tăng ga tẩu thoát về nhà, B kiểm tra trong túi xách giật được có số tiền 850.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo V5 màu xám bạc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 màu tím, 02 ốp lưng điện thoại, 01 ví da màu đen, 01 cây son, 01 chiếc lược, 01 hộp phấn trang điểm, 02 thẻ ATM và 01 thẻ B hiểm y tế. B giấu 02 điện thoại trong phòng ngủ, lấy số tiền 850.000 đồng để tiêu xài, các đồ vật còn lại thì vứt bỏ tại đường hẻm gần cửa hàng vật liệu xây dựng Quang Mỹ thuộc Khu phố 1, phường T.

Theo kết luận định giá tài sản số 33/KL-ĐGTS ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L, kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9 có giá trị **3.100.000** đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo V5 có giá trị **2.500.000** đồng; 01 ví da màu đen có giá trị **2.000** đồng; 01 túi xách da màu đen sọc trắng có giá trị **10.000** đồng; 02 ốp lưng điện thoại có giá trị **1.000** đồng; 01 cây son Za có giá trị **10.000** đồng; 01 cây lược nhựa màu trắng có giá trị **1.000** đồng; 01 hộp phấn Essance có giá trị **10.000** đồng. Như vậy, tổng trị giá tài sản bị cáo Trịnh Quốc B đã chiếm đoạt của chị Trần Thị Kiều O là **6.484.000** đồng.

Hành vi trên của bị cáo Trịnh Quốc B đã phạm vào tội: "Cướp giật tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét, bị cáo Trịnh Quốc B sử dụng xe máy để thực hiện hành vi cướp giật tài sản đối với bị hại chị Trần Thị Kiều O đang đi xe máy là rất nguy hiểm, dễ gây thương vong cho bị hại, đây là tình tiết định khung hình phạt "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" của tội "Cướp giật tài sản", được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Trịnh Quốc B về tội danh, điều luật là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo B là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tuổi đời còn trẻ nhưng có nhân thân xấu, bản thân bị cáo vừa mới chấp hành án trở về địa

phương chưa được bao lâu, chưa được xóa án tích theo luật định, lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học, rèn luyện bản thân làm ăn lương thiện. Mặc dù bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng mong muốn có tiền tiêu xài, bị cáo vẫn bất chấp, nên khi phát hiện sự sơ hở, mất cảnh giác của chị O đi xe máy chở con nhỏ phía sau, trên бага xe có để giỏ xách, vừa thấy chị O dừng xe lại, bị cáo đã cho xe áp sát vào xe của chị O, giật lấy giỏ xách rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi phạm tội của bị cáo B là rất gây nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, xem thường pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, tạo tâm lý mất an toàn trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Xét, bị cáo có nhân thân xấu, với 02 tiền án đều về tội: "Trộm cắp tài sản", vừa chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương mới được 01 tháng, chưa được xóa án tích theo luật định, nay tiếp tục phạm tội mới do cố ý, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm". Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại Tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; Quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, được bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về bồi thường dân sự: Quá trình điều tra, bà Huỳnh Thị Kim L (mẹ ruột của bị cáo) bồi thường số tiền 850.000 đồng cho chị Trần Thị Kiều O. Quá trình điều tra và tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Oanh không yêu cầu bị cáo B bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Trịnh Quốc B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm b, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).
- Điều 135; Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[1] Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Quốc B, phạm tội: "Cướp giật tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Quốc B **04 (Bốn)** năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày **01/5/2019**.

[2] Về án phí: Bị cáo Trịnh Quốc B phải nộp **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PC81 - CA tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Công an thị xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND địa phương nơi BC cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình